TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 02 /2019/DSPT
Ngày 16 - 01 - 2020

V/v "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Sử

Các Thẩm phán: Ông Cao Xuân Long

Ông Nguyễn Minh Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Na

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân* tỉnh *Bà Rịa – Vũng Tàu: Ông Lê Văn Thiên - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2019/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2019 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện LĐ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 156/2019/QĐPT-DS ngày 04 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần X.

Địa chỉ trụ sở: 89 LH, phường LH, quận Đống Đa, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật : Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người được ủy quyền: Ông Đỗ Thành T chức vụ - Phó tổng giám đốc công ty TNHH quản lý tài sản Ngân hàng thương mại cổ phần X, theo văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018

Ông Đỗ Thành T ủy quyền lại cho:

Ông Nguyễn Nhật S - Chuyên viên tố tụng. (Có mặt);

Ông Mai Thanh H - Chuyên viên tố tụng. (có mặt); Theo văn bản ủy quyền số 2503/2019/UQ-PGĐK ngày 13/01/2020

Cả hai cùng địa chỉ: Tầng 2, số 96 Cao Thắng, Phường 4, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Mai Tiến S, sinh năm 1990. (Vắng mặt);

Địa chỉ: A53, tổ 5, ấp P T, xã P T, huyện L Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Nhật S trình bày:

Ngày 16/12/2016, Ngân hàng Thương mại cổ phần X (gọi tắt là Ngân hàng X) cho ông Mai Tiến S vay tiền theo giấy đề nghị vay vốn kiêm giấy yêu cầu bảo hiểm ký ngày 07/12/2016, số tiền vay là 80.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 40,2%/năm (có điều chỉnh), thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân, vay theo hình thức tín chấp.

Theo thỏa thuận tại hợp đồng, ông Mai Tiến S có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc và lãi theo lịch trả nợ.

Thực hiện hợp đồng, ông Mai Tiến S đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và đã thanh toán cho Ngân hàng X số tiền 47.579.979 đồng, trong đó tiền gốc là 16.964.763 đồng và tiền lãi là 28.541.259 đồng.

Kể từ ngày 23/01/2018, ông Mai Tiến S không tiếp tục trả nợ, mặc dù Ngân hàng X đã nhắc nhở nhiều lần.

Tổng số tiền ông Mai Tiến S còn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng X là: 130.839.456 đồng, gồm tiền gốc là 63.035.237 đồng, nợ lãi tính đến ngày 04/9/2019 là 67.804.219 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Ngân hàng X yêu cầu Tòa án buộc ông Mai Tiến S phải thanh toán nợ như sau: Nợ gốc: 63.035.237 đồng, nợ lãi tính đến ngày 04/9/2019 là 67.804.219 đồng.

Bị đơn ông Mai Tiến S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do và cũng không có lời trình bày với Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 4-9- 2019 của Tòa án nhân dân huyện LĐ tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X đối với ông Mai Tiến S về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" .

Buộc ông Mai Tiến S phải thanh toán cho Ngân hàng X 63.035.237 đồng tiền nợ gốc, lãi tính đến ngày 04/9/2019 là 40.960.815 đồng. Ông S phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng X theo hợp đồng tín dụng giải ngân ngày 16/12/2016 (lãi suất trong hạn 40,2%/năm kể từ ngày 04/9/2019 đến ngày 16/12/2019, lãi suất quá hạn 60,3%/năm kể từ ngày 17/12/2019 đến khi trả xong nợ gốc).

- Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng X đòi ông Mai Tiến S trả số tiền nợ lãi là 26.843.404 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Không đồng ý với Bản án sơ thẩm, Ngân hàng X kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân

hàng X buộc ông Mai Tiến S phải thanh toán một lần toàn bộ gốc và lãi cho Ngân hàng X đến hết ngày 04/9/2019 là 130.839.456 đ và phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng X theo quy định tại hợp đồng đã ký ngày 05/9/2019 cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện của Ngân hàng X yêu cầu Tòa phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm buộc ông S phải thanh toán cho Ngân hàng X 63.035.237đ tiền gốc và tiền lãi theo lãi phạt với mức 150% so với lãi suất trong hợp đồng kể từ ngày ông S vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng X (23/01/2018 đến nay), vì theo quy định của Ngân hàng X các khoản nợ gốc và lãi của khách hàng sẽ là nợ quá hạn khi khác hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ. Ngoài ra khi ông S không thanh toán cho Ngân hàng X, Ngân hàng X đã nhiều lần yêu cầu ông S chấm dứt hợp đồng và phải thanh toán toàn bộ tiền còn thiếu cho Ngân hàng X nhưng ông S không hợp tác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán tuân thủ đúng quy định tố tụng và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký cũng như các đương sự đã tuân theo đúng quy định pháp luật, không vi phạm về thủ tục tố tụng dân sự, kháng cáo đúng quy định, trong thời hạn nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Ông S vắng mặt lần thứ hai và không có lý do, xét xử vắng mặt ông S là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Ông S có giấy xin vay Ngân hàng X 80.000.000đ, Ngân hàng X đồng ý cho ông S vay 80.000.000đ nhưng không nêu cụ thể mức lãi suất như thế nào, cấp sơ thẩm chỉ dựa vào lời trình bày của Ngân hàng X và áp mức lãi suất để buộc ông S trả lãi cho Ngân hàng X, ngoài lời trình bày thì Ngân hàng X không đưa ra chứng cứ nào thể hiện mức lãi suất. Kháng cáo của Ngân hàng X là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận và giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện LĐ.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng X khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Mai Tiến S, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng " là đúng pháp luật, ông Mai Tiến S trú tại huyện LĐ, tỉnh bà Rịa – Vũng Tàu, Tòa án nhân dân huyện LĐ thụ lý là đúng thẩm quyền. Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện LĐ mời ông S nhiều lần nhưng ông S không có mặt, không có trình bày với Tòa án, Tòa án nhân dân huyện LĐ đã mời ông S nhưng ông S vắng mặt không có lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt ông S là đúng theo quy định của pháp luật. Việc cung cấp chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự là quyền và nghĩa vụ của các đương sự, ông S vắng mặt không có lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ; chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tòa án giải quyết vụ án trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ mà các đương sự cung cấp. Ngân hàng X kháng cáo đúng thủ tục, trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm .

[2] Về nội dung, xét kháng cáo của Ngân hàng X thì thấy: Theo giấy đề nghị vay vốn ngày 07/12/2016 mà Ngân hàng X cung cấp cho Tòa án, ông S đề nghị Ngân hàng X cho vay 80.000.000đ, mục đích sửa nhà, thời gian vay 48 tháng, lãi suất cho vay và cơ chế điều chỉnh theo phê duyệt của Ngân hàng X. Theo tờ trình phê duyệt ngày 07/12/2016 Ngân hàng X cho ông S vay 80.000.000đ, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất theo quy định Ngân hàng X, hình thức tín chấp. Ngày 26/12/2016 Ngân hàng X giải ngân 80.000.000đ cho ông S vay theo tờ trình phê duyệt ngày 07/12/2016. Tính đến ngày 22/01/2018 ông S đã thanh toán cho Ngân hàng X 47.579.979đ (trong đó 16.964.763đ tiền gốc và 28.541.259đ tiền lãi). Theo tờ trình phê duyệt ngày 07/12/2016 của Ngân hàng X cho ông S vay thì lãi theo quy định của Ngân hàng X, tuy nhiên Ngân hàng X không cung cấp được quy định lãi suất của Ngân hàng X tại thời điểm này. Mặt khác, theo Bộ điều khoản và điều kiện vay tiêu dùng cá nhân của Ngân hàng X cung cấp. Tại Điều 2 Phần II của bộ Điều khoản này quy định lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất được Ngân hàng X và khách hàng thỏa thuận và ghi trong Xác nhận chấp nhận cho vay của Ngân hàng X và các tài liệu giao dịch liên quan. Tuy nhiên, ngoài tờ trình phê duyệt ngày 07/12/2016 của Ngân hàng X, tại phiên tòa phúc thẩm Ngân hàng X cung cấp cho Tòa án giấy ghi phần xác nhận chấp thuận cho vay của Ngân hàng X thể hiện mức lãi suất 40% nhưng không thể hiện tháng hay năm và không thể hiện có sự đồng ý của ông S hay không. Ngoài ra, Ngân hàng X không cung cấp được tài liệu nào khác để thể hiện mức lãi suất cho vay là bao nhiêu % năm. Cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào trình bày của Ngân hàng X để chấp nhận yêu cầu tính lãi suất 40,2%/năm của Ngân hàng X là không có căn cứ. Tuy nhiên, ông S không kháng cáo nên cấp phúc thẩm không xem xét lại mức lãi suất này.

Đối với lãi suất quá hạn trên khoản vay của ông S trong thời hạn vay kể từ ngày 23/01/2018 đến 04/9/2019. Theo tờ trình phê duyệt ngày 07/12/2016 của Ngân hàng X chấp nhận cho ông S vay với thời hạn 36 tháng tính từ ngày Ngân hàng X giải ngân (26/12/2016). Từ ngày 23/01/2018 đến ngày 04/9/2019 là thời gian còn trong hạn cho vay của Ngân hàng X, nên cấp sơ thẩm không tính lãi quá hạn là có cơ sở, kháng cáo của Ngân hàng X về yêu cầu tính lãi quá hạn từ ngày 23/01/2018 là ngày ông S vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tuy nhiên đại diện của Ngân hàng X không cung cấp được chứng cứ để cho rằng ông S vi phạm và Ngân hàng X đã thông báo chấm dứt hợp đồng với ông S. Do vậy, kháng cáo của Ngân hàng X là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu ông S thanh toán ngay một lần. Hội đồng xét xử thấy rằng đây là vấn đề thi hành án, Bản án sơ thẩm đã buộc ông S phải thanh toán cho Ngân hàng X 63.035.237 đồng tiền nợ gốc, lãi tính đến ngày 04/9/2019 là 40.960.815 đồng. Việc thi hành án được thực hiện theo pháp luật thi hành án dân sự. Kháng cáo của Ngân hàng X là không có căn cứ nên không được chấp nhận

Về án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo của nguyên đơn không được cấp phúc thẩm chấp nhận nên nguyên đơn Ngân hàng X phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, khoản 2 Điều 91 luật các tổ chức tín dụng, Nghị quyết 326/UBTVQH .

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 04/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện LĐ như sau:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X.

2. Buộc ông Mai Tiến S phải thanh toán cho Ngân hàng X: 63.035.237 đ (sáu ba triệu không trăm ba lăm ngàn hai trăm ba bay đồng) tiền nợ gốc, lãi tính đến ngày 04/9/2019 là 40.960.815đ (bốn mươi triệu chín trăm sáu mươi ngàn tám trăm mười lăm đồng).

Kể từ ngày 17/9/2019, ông S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc (63.035.237 đồng) và khoản lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa trên số tiền lãi chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

3. Không chấp nhận phần yêu cầu trả 26.843.404đ lãi suất quá hạn của Ngân hàng X đối với ông Mai Tiến S.

3. Về án phí dân sự

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Mai Tiến S phải chịu 5.199.000 đ án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng X phải chịu 1.342.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 2.494.000đ tạm ứng án phí đã nộp, hoàn lại 1.153.000đ cho Ngân hàng X theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006186 ngày 15-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ngân hàng X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm..

-Án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng X phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ đã tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002053 ngày 26/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ngân hàng X đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 16 tháng 01 năm 2020).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND huyện LĐ;
- VKSND tỉnh BR- VT;
- Chi cục THADS huyện LĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐẶNG VĂN SỬ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Xuân Long; Nguyễn Minh Châu **Đặng Văn Sử**